TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **172**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2026
V/v: "Ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 199/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lờ Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: E - I, khu phố B, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: E02 – 09, ấp B, xó T, huyện V, tỉnh Đồng Nai)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố L, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: Tổ A, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lờ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhõn dõn xó H, huyện H, tỉnh Thanh Húa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2009 ngày 15/4/2009. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn về mặt tình cảm, nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng nên hay xảy ra xung đột và không còn tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng bà đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà làm đơn đề nghị được ly hôn với ông M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông M có 02 con chung tên Nguyễn Lờ Quốc H1, sinh ngày 27/6/2010 và Nguyễn Lờ Quốc C, sinh ngày 12/06/2015. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C, đồng ý giao cháu H1 cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi con và giáo dục. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà H, ông M không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông M là có căn cứ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lờ Quốc H1, sinh ngày 27/6/2010 cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Lờ Quốc C, sinh ngày 12/06/2015 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông M nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Lờ Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M, yêu cầu giải quyết con chung. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, con chung"; bà Lờ Thị H là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn M là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn hiện đang cư trú tại phường T, thành phố Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông M đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lờ Thị H và ông Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhõn dõn xó H, huyện H, tỉnh Thanh Húa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2009 ngày 15/4/2009 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian kết hôn thì vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà H xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông M. Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông M đến Tòa làm việc nhưng ông M vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông M không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà H. Qua kết quả xác minh tại Cung an phường T, thành phố Đ thể hiện nội dung: Ông M hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhõn dõn phường T, thành phố Đ thể hiện địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của bà H và ông M.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông M là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông M là phù hợp.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lờ Quốc H1, sinh ngày 27/6/2010 và Nguyễn Lờ Quốc C, sinh ngày 12/06/2015. Ly hôn, bà H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C, đồng ý giao cháu H1 cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần tuy nhiên ông M không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến phản hồi về vấn đề con chung. Ly hôn, bà H có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc cháu C, đồng ý giao cháu H1 cho ông M chăm sóc. Tại bản tự khai cháu C cũng có nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Đối với cháu H1, bà H cho biết hiện nay đang sống cùng ông M. Tòa án

đã xuống địa phương để lấy ý kiến của cháu H1, tuy nhiên, nhà khóa cửa, không làm việc được. Do cháu H1 đang ở với ông M, bà H cũng đồng ý giao cho ông M chăm sóc nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu C cho bà H trực tiếp chăm sóc, giao cháu H1 cho ông M trực tiếp chăm sóc là phù hợp để đảm bảo sự phát triển ổn định và phù hợp với nguyện vọng của các con. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông M nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng trước đó. Bà H đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào Điều 9, Điều 11, Điều 56, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lờ Thị H. Bà Lờ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lờ Quốc H1, sinh ngày 27/6/2010 cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Lờ Quốc C, sinh ngày 12/06/2015 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H, ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Lờ Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0011927

ngày 19/12/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- VKSNDKV1 - Đồng Nai;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.